

Số: 05/H /QĐ-HB

Thuận Hà, ngày 05 tháng 1 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán chi Ngân sách Nhà nước của trường mầm non Hoa Ban quý IV năm 2023

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại KBNN quý IV năm 2023;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai dự toán chi Ngân sách Nhà nước quý IV năm 2023 của trường mầm non Hoa Ban, chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Căn cứ số liệu công khai dự toán chi, cán bộ, viên chức, người lao động thuộc trường mầm non Hoa Ban có trách nhiệm thực hiện, thực hiện đảm bảo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng GD &ĐT;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Thị Ái

UBND XÃ HUYỆN ĐẮK SONG
TRƯỜNG MN HOA BAN
Số: 05B /TB-HB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thuận Hà, ngày 05 tháng 01 năm 2014

**THÔNG BÁO NIÊM YẾT CÔNG KHAI
THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ IV NĂM NĂM 2023**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại KBNN quý IV năm 2023;

Trường mầm non Hoa Ban xin thông báo: Niêm yết công khai chi NSNN quý IV/2023

Thông báo này kèm theo : Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Thời gian niêm yết: 30 ngày làm việc, từ ngày 05/01/2023 đến hết ngày / /2024

Trong thời gian niêm yết, đề nghị cán bộ, giáo viên, nhân viên theo dõi nếu có ý kiến phản ánh, kiến nghị đề nghị gửi bằng văn bản về văn phòng trường mầm non Hoa Ban để xem xét giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Gửi BC PGD&ĐT;
- Công khai tại bảng tin trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Đoàn Thị Ái

TRÍCH BIÊN BẢN HỌP CƠ QUAN

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 05/01/2024. Tại trường mầm non Hoa Ban, xã Thuận Hà, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông chúng tôi gồm có:

I. Thành phần tham dự:

- Đ/c: Đoàn Thị Ái - Hiệu trưởng - chủ trì
- Đ/c: Nguyễn Thị My - Thư ký
- Tham dự: 29/29 đ/c

II. Nội dung cuộc họp:

Đồng chí: Phùng Thị Linh thông qua đối chiếu quý IV/2023 nguồn Ngân sách Nhà nước về công khai tài chính theo thông tư số 36/2017 TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán thu chi ngân sách theo hướng dẫn của Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Yêu cầu các đồng chí trong cơ quan thực hiện nghiêm túc và đúng quy định đề ra.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 10 giờ 30 phút cùng ngày, biên bản được đọc cho mọi người cùng nghe và thống nhất 100%

THƯ KÝ



Nguyễn Thị My

CHỦ TRÌ



Đoàn Thị Ái

Đơn vị: Trường mầm non Hoa Ban
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thuận Hà, ngày 05 tháng 01 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ IV/2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Kèm theo quyết định số: ~~03A~~ QĐ-HB ngày 05 tháng 01 năm 2024 của hiệu trưởng trường mầm non Hoa Ban)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường mầm non Hoa Ban công khai tình hình thực hiện chi ngân sách quý IV/2023 như sau:

DV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý III năm 2023	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện (quý III năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
II	Chi từ nguồn thu phí được đề lại				
I	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	4.472.000.000	1.357.558.530		



3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.432.500.000	1.239.808.041	27.97	127
6000	Tiền lương	1.353.499.908	373.102.907	27.57	101
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	65.589.000	16.397.250	25.00	103
6100	Phụ cấp lương	2.006.583.679	539.369.165	26.88	108
6150	Hỗ trợ cho VC đi học tập, bồi dưỡng		8.300.000		
6250			51.900.000		112
6300	Các khoản đóng góp(BHXH,BHYT,BHTN,KPCD)	523.416.413	94.511.003	18.06	98
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	12.000.000		0.00	-
6550	Vật tư văn phòng	20.000.000	27.920.000	139.60	80
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	5.000.000	3.041.800	60.84	2.270
6650	Chi hội nghị		450.000		
6700	Công tác phí		49.290.000		
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	163.200.000	30.569.000	18.73	47
6950	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	15.000.000		0.00	-
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	103.000.000	26.236.916	25.47	396
7750	Chi khác	165.211.000	18.720.000	11.33	100
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	39.500.000		0	-
7053	Mua bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	39.500.000		0	-
3.3	Kinh phí thực hiện CCTL_KTX	307.500.000	117.750.489	-	
6000	Tiền lương		50.691.311		
6100	Tiền PC lương		67.059.178		
6300	Các khoản đóng góp(BHXH,BHYT,BHTN,KPCD)		17.313.576		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				

97
101
103
127

7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
I	Chỉ quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chỉ bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chỉ hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

